

Bản án số: 07/2021/DSST

Ngày: 22/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hòa

Ông Lục Văn Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hoàng Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST- DS ngày 19/01/2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST- DS ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T;

Địa chỉ: Tổ 35(nay là tổ 36) phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ- Luật sư Văn phòng Luật sư Ngọc Bảo.

Địa chỉ: SN ..., phố L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.(*Theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021*)

Các bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai V và anh Đào Văn T;

Cùng địa chỉ: SN ..., phố B, khu đô thị T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Do mối quan hệ quen biết và cần nguồn vốn làm ăn, nên chị Nguyễn Thị Mai V và chồng là anh Đào Văn T có thỏa thuận vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương T từ năm 2017. Quá trình vay tiền chị V và anh T đều trả nợ rất sòng phẳng. Đến năm 2020, do cần tiếp tục bổ sung nguồn tiền kinh doanh nên ngày 30/4/2020 chị Nguyễn Thị Mai V và anh Đào Văn T tiếp tục vay chị Nguyễn Thị Phương T số tiền 1.280.000.000đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) và chị Vân là người viết giấy vay với tiêu đề “*Giấy vay tiền mặt*” số tiền vay là

1.280.000.000đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) thời hạn trả nợ trước ngày 31/12/2020, lãi xuất do hai bên tự thỏa thuận. Sau khi vay tiền, đến hạn trả nợ chị Thúy đã nhiều lần yêu cầu trả nợ số tiền vay như đã cam kết nhưng anh T, chị V cũng không trả tiền cho chị T như đã thỏa thuận và chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Mai V và anh Đào Văn T phải trả số tiền gốc và lãi xuất là 2.194.400.000đ (*Hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Ngày 02/02/2021 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền gốc là 760.000.000đ và số tiền lãi 53.000.000đ. Tổng là 813.000.000đ

Đối với một số chứng từ giao dịch về việc trả tiền lãi và gốc bị đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét thấy rằng các chứng từ giao dịch giữa chị T và anh T, chị V thể hiện từ năm 2017 đến trước ngày 30/4/2020 là những chứng từ giao dịch vay trước đó hai bên đã thanh toán xong. Còn đối với các chứng từ giao dịch sau ngày 30/4/2020 chị T thừa nhận sau khi viết giấy vay tiền ngày 30/4/2020, với số tiền vay là 1.280.000.000đ, chị V và anh T đã trả cho chị T được số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó có 330.000.000đ tiền gốc và 20.000.000đ tiền lãi

Ngày 25/03/2021 nguyên đơn tiếp tục có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền gốc là 330.000.000đ (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*). Nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Mai V và anh Đào Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn lại là 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*), còn số tiền lãi xuất theo đơn khởi kiện 102.400.000đ (*Một trăm linh hai triệu bốn trăm ngàn đồng*) nguyên đơn xin rút và không yêu cầu tòa án giải quyết về khoản lãi xuất.

Bị đơn anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V trình bày:

Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V thừa nhận có vay tiền của chị T từ năm 2017 để làm ăn và vay làm nhiều lần, tính đến tháng 8/2019 chị T cho vợ chồng vay số tiền gốc là 1.119.000.000đ, anh T, chị V đã trả cả gốc và lãi đến 06/3/2020 là 1.663.918.000đ. Tuy nhiên, chị V và anh T không tính cụ thể được tiền gốc và tiền lãi là bao nhiêu.

Đến ngày 30/4/2020 chị T nói với anh T và chị V là số tiền trả 1.663.918.000đ (*Một tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười tám ngàn đồng*) là khoản tiền lãi tính từ 27/6/2017 đến 06/3/2020. Sau đó chị T có yêu cầu vợ chồng anh T, chị V viết giấy vay tiền mặt theo yêu cầu của chị T với số tiền gốc là 1.280.000.000đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) thời hạn vay từ ngày 30/4/2020 đến ngày 31/12/2020, trên giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng chị T có yêu cầu vợ chồng anh T, chị V phải trả mức lãi xuất là 3.000đ/triệu/ ngày là 9%/tháng (người viết giấy vay tiền là chị Nguyễn Thị Mai V). Sau khi viết giấy vay ngày 30/4/2020 anh T, chị V trả được cho chị T số tiền lãi là 215.000.000đ qua tài khoản của chị T tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Lào Cai là 37510000158655 và Ngân hàng Quân Đội, chi nhánh Lào Cai là 7370121848004 và trả bằng tiền mặt 135.000.000đ (trong đó 80 triệu trả bằng phiếu chi tiền 30/10/2020, người nhận thay là anh Nguyễn Khương D và

55 triệu đồng trả tiền mặt và được chị T xác nhận qua tin nhắn Zalo). Như vậy, tổng tiền lãi vợ chồng anh T, chị V trả cho chị Thúy từ ngày 30/4/2020 đến ngày 30/10/2020 là 350.000.000đ(*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, anh T, chị V cho rằng đây là khoản tiền lãi của số tiền 1.119.000.000đ(*Một tỷ một trăm mười chín triệu đồng*) nợ cũ từ năm 2017 đến tháng 8/2019. Nay, chị T yêu cầu anh T, chị V phải trả số tiền gốc còn lại 950.000.000đ(*Chín trăm năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu trả lãi xuất, anh, chị không nhất trí. Vì sau khi viết giấy vay số tiền 1.280.000.000đ vào ngày 30/4/2020 chị T cầm giấy vay nhưng không giao tiền cho anh T, chị V. Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 04/01/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai yêu cầu anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V phải có trách nhiệm trả số tiền là 2.195.400.000đ(*Hai tỷ một trăm chín mươi triệu bốn trăm ngàn đồng*) vì lý do anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V đã có giấy biên nhận vay tiền. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T: Ngày 30/4/2020 chị Nguyễn Thị Phương T có cho anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V vay số tiền là 1.280.000.000đ(*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*), hai bên có viết giấy vay tiền, nhưng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 31/12/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền ngày 30/4/2020 thể hiện nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 1.280.000.000đ(*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*), hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, về phía bị đơn cho rằng đối với số tiền 1.280.000.000đ(*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) sau khi bị đơn chị Nguyễn Thị Mai V viết giấy vay, các bị đơn đều ký nhận vào phần bên vay. Sau đó nguyên đơn cầm giấy vay nhưng không giao số tiền 1.280.000.000đ(*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*) cho các bị đơn, mặc dù trên giấy vay không thỏa thuận lãi xuất, nhưng nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả mức lãi xuất là 3.000đ/triệu/ ngày là 9%/tháng. Ngày 18/3/2020 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai ra thông báo yêu cầu các bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh không vay số tiền 1.280.000.000đ và việc nguyên đơn tính lãi xuất là 3.000đ/triệu/ ngày là 9%/tháng nhưng các bị đơn anh T, chị V không cung cấp được. Theo các chứng từ giao dịch bị đơn cung cấp từ ngày 27/6/2017 đến ngày

30/10/2020 đều thể hiện bị đơn có vay tiền của nguyên đơn từ năm 2017 như lời khai của bị đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, đối với các chứng từ giao dịch từ ngày 27/6/2017 đến trước ngày 30/4/2020 là các khoản vay trước đó, thể hiện hai bên đã thanh toán xong. Các bị đơn cho rằng không vay số tiền 1.280.000.000đ của nguyên đơn theo giấy vay tiền đề ngày 30/4/2020, nhưng các chứng từ giao dịch bị đơn cung cấp lại thể hiện từ ngày 05/5/2020 đến ngày 30/10/2020 bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi ngàn đồng*). trong đó có 330.000.000đ (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi. Như vậy, các chứng từ giao dịch bị đơn cung cấp phù hợp với lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn cũng thừa nhận sau khi cho bị đơn vay tiền, bị đơn đã trả được số tiền 350.000.000đ trong đó có 330.000.000đ tiền gốc và 20.000.000đ tiền lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền gốc còn nợ là 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ là phù hợp với các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng, sau khi viết giấy vay tiền mặt ngày 30/4/2020 anh T, chị V trả được cho chị T số tiền là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) nhưng đây là khoản tiền lãi của số tiền 1.119.000.000đ (*Một tỷ một trăm mười chín triệu đồng*) nợ cũ từ năm 2017 đến tháng 8/2019 nhưng ngoài lời khai các bị đơn không có tài liệu, chứng gì chứng minh. Mặt khác đối chiếu với các chứng từ giao dịch bị đơn nộp từ ngày 27/6/2017 đến trước ngày 30/4/2020 thể hiện bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng đều là các khoản vay trước đó và hai bên đã thanh toán xong. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) là khoản tiền lãi của số tiền nợ cũ từ năm 2017 đến tháng 8/2019 là không phù hợp với thực tế.

Đối với số tiền 1.245.400.000đ (*Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*) nguyên đơn đã rút vào ngày 02/02/2021 và ngày 25/3/2021. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đối với số tiền đã rút là 1.245.400.000đ (*Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[4] Về khoản tiền lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T.

Buộc anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền nguyên đơn đã rút là 1.245.400.000đ (*Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Mai V phải liên đới chịu 40.500.000đ (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.954.000đ (*Ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn Đ nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008868 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSNDTPLC(1);
- THADSTPLC(1);
- Các đương sự(3);
- Lưu HS VA, Tập án (2)/.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

